

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN THEO LĨNH VỰC NĂM 2024

(Kèm theo Tờ trình số 176 /TTr-UBND ngày 22 tháng 5 năm 2025 của UBND huyện)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
	TỔNG CHI NSDP	1.105.621,40	1.483.610,59	427.717,19	134,19
A	Chi bổ sung cân đối cho ngân sách cấp dưới	153.959,30	156.495,46	2.536,16	101,65
B	Chi bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới	34.192,10	190.083,47	155.891,37	555,93
C	Chi ngân sách cấp huyện theo lĩnh vực	917.470,00	830.449,58	(37.292,42)	90,52
I	Chi đầu tư phát triển	143.823,00	154.267,53	10.444,53	107,26
1	Chi đầu tư cho các dự án	143.823,00	154.267,53	10.444,53	107,26
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật; chi cấp vốn điều lệ cho các quỹ	-	-	-	-
3	Chi đầu tư phát triển khác	-	-	-	-
II	Chi thường xuyên	707.306,00	676.182,05	(31.123,95)	95,60
1	Chi quốc phòng	11.259,00	12.623,58	1.364,58	112,12
2	Chi an ninh và trật tự, an toàn xã hội	1.107,00	1.045,91	(61,09)	94,48
3	Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	400.309,00	394.352,13	(5.956,87)	98,51
4	Chi khoa học và công nghệ	-	-	-	-
5	Chi y tế, dân số và gia đình	14.021,00	14.370,24	349,24	102,49
6	Chi văn hoá thông tin	3.590,00	3.142,91	(447,09)	87,55
7	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	1.328,00	1.378,28	50,28	103,79
8	Chi thể dục thể thao	744,00	746,31	2,31	100,31
9	Chi bảo vệ môi trường	1.555,00	285,48	(1.269,52)	18,36
10	Chi các hoạt động kinh tế	95.957,00	48.285,65	(47.671,35)	50,32
11	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể	54.542,00	68.716,96	14.174,96	125,99
12	Chi đảm bảo xã hội	120.457,00	129.179,36	8.722,36	107,24
13	Chi khác	2.437,00	2.055,23	(381,77)	84,33
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	-	-	-	-
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	-	-	-	-
V	Chi dự phòng ngân sách	16.613,00	-	(16.613,00)	-
VI	Tăng thu DT 2024 so với 2023 CCTL	49.728,00	-	-	-
D	Chi nộp ngân sách cấp trên	-	94.227,21	94.227,21	-

STT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
E	Chi chuyển nguồn sang năm sau	-	212.354,87	212.354,87	-
F	Chi trả nợ gốc	-	-	-	-
G	Chi hỗ trợ các địa phương khác	-	-	-	-